

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ “LÍ THUYẾT CÁ TÍNH”

PGS. TS. MAI VĂN HUNG*

1. “Think different” là slogan của tập đoàn máy tính Apple nổi tiếng thế giới để biểu thị cho tiêu chí nhằm đạt tới sự thành công trong đa dạng của các thành viên cùng chí hướng. Engel đã từng nói “*Thế giới vật chất mà chúng ta nhìn thấy được bằng giác quan, trong đó có cả chúng ta nữa, là thực tại độc nhất. Ý thức và tư tưởng của chúng ta, dù có tỏ ra siêu việt đến đâu chăng nữa, cũng chỉ là những sản phẩm của một khí quan vật chất của cơ thể, tức là bộ óc. Vật chất không phải là sản phẩm của tinh thần, nhưng chính tinh thần chỉ là cái sản phẩm cao cấp của vật chất*” (1). Cái vật chất mà Engel đề cập đến ở đây chính là não bộ của mỗi con người, vì thế việc chấp nhận sự đa dạng cá tính của mỗi con người là tất yếu trong các mối quan hệ xã hội giữa các cá thể cùng loài; đặc biệt là con người chúng ta.

GS. Trần Đức Thảo khi bàn về vấn đề này đã khái quát “*Triết lý khoa học, toán học và khoa học thực nghiệm, trong suốt ba ngàn năm phát triển, đã đem lại cho loài người những thành quả lớn lao trong việc làm chủ thiên nhiên, trong khi chính con người là một hiện hữu thuộc về thiên nhiên. Nhưng loài người đã không tiến được bước nào trong việc giải đáp bài toán đặt ra bởi sự hiện hữu cá biệt, và bởi vấn đề cá tính của sự hiện hữu ấy, vì nó đã bị đơn giản hóa thành một điểm, qua việc lượng tính các tương quan*” (1). Ông nằm trong số ít các học giả Việt Nam đề cao cá tính của con người, một trong những đặc điểm quan trọng bậc nhất làm nên sự khác biệt giữa các con người với nhau. Luận điểm khoa học của Trần Đức Thảo về cá tính đã đúc kết được những khái quát mang tầm thời đại, qua đó, bộc lộ được tầm tư tưởng của một trí tuệ uyên bác ngay từ những năm khởi đầu nền giáo dục (GD) mới của nước ta.

2. Cơ sở sinh học của cá tính

Cá thể được hiểu như một thuật ngữ chỉ sự tồn tại của từng thực thể sống, mỗi cá thể bản thân nó đã bao hàm sự khác biệt về cả hình thái và tư duy so với cá thể

khác (kể cả những cá thể được đồng sinh cùng trứng). Năm 2000, nhóm nhà khoa học Mĩ, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc và Nhật Bản đã hoàn thành công trình giải mã bộ gen người, giúp khám phá cơ chế hoạt động của sự sống. Bản phác thảo đầy đủ đầu tiên về bản đồ bộ gen người - một trong những sự kiện lớn nhất có tầm vóc đột phá lịch sử khoa học của con người từ trước tới nay, đã được công bố vào dịp mở đầu thiên niên kỉ mới, ngày 12/2/2001 tại Tokyo (Nhật Bản), London (Anh), Washington (Mĩ) và nhiều thành phố khác trên thế giới. Theo kết quả nghiên cứu mới nhất này, con người được hình thành từ một số lượng khoảng 30.000 gen, trong đó, người này khác người kia chỉ 1/1000 gen. Có thể hiểu rằng, mỗi con người ngay từ khi mới bắt đầu được hình thành ở dạng hợp tử đã là sản phẩm kết hợp của rất nhiều gen tạo thành bộ gen mà về bản chất trước đó chưa hề có (mặc dù về số lượng tương đương với các bộ gen của những cá thể cùng loài để đảm bảo cho chúng ta là những con người). Điều đó cho thấy, bản thân mỗi con người đã là một sự khác biệt so với các cá thể xung quanh mình về cấu trúc sinh học, vì thế, sản phẩm của vật chất não là tư duy cũng không ai giống ai, đương nhiên cá tính cũng vì thế mà được coi là sản phẩm đặc trưng cho mỗi cá nhân.

3. Bản chất cá tính của tư duy

Một nhà nghiên cứu thuộc Đại học Stanford thậm chí còn nhận định, con người đang ngày càng ngu dốt hơn theo thời gian, do không còn áp lực tiến hóa buộc họ phải thông minh, lanh lợi hơn như khi phải sống trong các cộng đồng đồng đức dân cư cách đây nhiều thiên niên kỉ. Tuy nhiên, nhiều học giả khác đã phản bác quan điểm này, trích dẫn trường hợp của các thiên tài như nhà vật lí Stephen Hawking và nói, thay vì mất dần trí thông minh, con người đã đa dạng hóa, dẫn đến nhiều kiểu thông minh, lanh lợi khác

* Đại học Quốc gia Hà Nội

nhanh như ngày nay. Hãy xem cách Howard Gardner nói về trí khôn của con người để thấy rõ nhận định trên là hoàn toàn logic với quan điểm của Trần Đức Thảo về vấn đề cá tính trong tư duy.

Howard Gardner cho rằng: Các hoạt động của hệ thần kinh do trung ương thần kinh đảm nhiệm và có sự tham gia của vỏ não nhằm đảm bảo mối quan hệ qua lại giữa cơ thể với môi trường bên ngoài, đảm bảo cho cơ thể thích nghi được với điều kiện sống luôn luôn thay đổi, được gọi là hoạt động thần kinh cấp cao. Thuyết đa trí tuệ (Theory of Multiple Intelligence - MI) của Howard Gardner (1983) dựa trên hoạt động của não bộ là một trong những cơ sở thần kinh cấp cao để giải thích cho các dạng năng khiếu của học sinh (HS). Gardner cho rằng: Não bộ đã tạo ra các hệ thống riêng biệt cho những năng lực tương ứng khác nhau (mà ông gọi là *các trí tuệ*).

Theo ông, ở trường, một HS giải quyết dễ dàng một bài toán phức tạp chưa chắc đã thông minh hơn đứa trẻ khác loay hoay làm mãi không xong bài toán đó. Cậu HS thứ hai rất có thể sẽ giỏi hơn trong các "dạng" thông minh khác.

Lí thuyết "đa thông minh" cho rằng, mỗi cá nhân hầu như đều đạt đến một mức độ nào đó ở từng "phạm trù" trong hệ thống các dạng thông minh. Mức độ này thấp hay cao thể hiện hạn chế hay ưu thế của cá nhân đó trong lĩnh vực này. Đặc biệt, mức độ này không phải là "hằng số" trong suốt cuộc đời của họ mà sẽ có thể thay đổi (nâng cao hay giảm đi) tùy vào điều kiện trau dồi. Theo đó, Howard Gardner và nhóm cộng sự của mình đề xuất việc GD trong nhà trường không nên "rập khuôn" ở một nội dung chung cho các đối tượng, mà nên phân loại thành các hình thức đào tạo tập trung để phát triển (những khả năng) hoặc cải thiện (những mặt yếu) của HS.

Theo Gardner, mỗi loại trí tuệ được phát triển đến một mức độ khác nhau trong mỗi con người. Ông phân ra 8 loại trí tuệ khác nhau và loại thứ 9 (thông minh *sinh tồn* - Existential Intelligence) đang được cân nhắc để có thể đưa thêm vào bảng phân loại.

- Loại 1: Trí tuệ ngôn ngữ (Linguistic Intelligence): là năng lực diễn tả ngôn ngữ dễ dàng bằng cách nói hay viết. Trí tuệ ngôn ngữ nằm ở phần não trái: Thùy trán trái kiểm soát các khả năng nói, còn thùy thái dương trái điều khiển sự hiểu biết ngôn ngữ. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu về sử dụng ngôn ngữ. Các nhà thơ, nhà văn, nhà báo là những thí dụ rõ nhất về loại trí tuệ ngôn ngữ. Họ rất

nhạy cảm với âm thanh, nhịp điệu và nghĩa của các từ, nhạy cảm với những chức năng khác nhau của ngôn ngữ.

- Loại 2: Trí tuệ logic - toán học (Logical-Mathematical Intelligence): là năng lực tính toán phức tạp và lí luận sâu sắc. Trí tuệ này nằm trong bán cầu não trái nhưng không có liên hệ chuyên biệt với một vùng nào cả. Cho nên, nó dễ bị ảnh hưởng do sự suy thoái toàn bộ hơn là các tổn thương, tai biến của não. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu tư duy logic. Tiêu biểu cho loại trí tuệ này là các nhà toán học và các nhà khoa học nói chung. Các nhà khoa học lớn có tài nhìn thấu suốt vấn đề phức tạp và cảm nhận được giải pháp trước khi đưa ra bằng chứng.

- Loại 3: Trí tuệ âm nhạc (Musical Intelligence): là năng lực tạo ra và thưởng thức các nhịp điệu, cung bậc (của nốt nhạc), âm sắc, biết thưởng thức các dạng biểu cảm của âm nhạc. Loại trí tuệ này chủ yếu nằm ở bán cầu não phải, nhưng khu trú kém chính xác hơn ngôn ngữ và có thể mất đi do những tổn thương ở não. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu nghệ thuật. Loại trí tuệ này độc lập rõ hơn các loại khác. Một số trẻ tự kỉ lại có khả năng chơi một loại nhạc cụ nào đó. Tiêu biểu cho loại trí tuệ này là các nhà soạn nhạc, các nghệ sĩ biểu diễn vi-ô-lông. Đây có lẽ là loại trí tuệ phát triển sớm nhất ở trẻ.

- Loại 4: Trí tuệ không gian (Spatial Intelligence): là khả năng tiếp nhận thế giới thị giác không gian một cách chính xác và khả năng thực hiện những biến đổi với sự tri giác ban đầu của mình. Nó cho phép tưởng tượng hình dạng của các sự vật với góc nhìn khác với người khác. Loại trí tuệ này chủ yếu nằm ở phía sau bán cầu não phải. Sự tổn thương của vùng não này có thể làm người bệnh không nhận ra được người thân và nơi chốn rất quen thuộc trước đây. Loại trí tuệ này cần thiết cho việc định hướng và trí nhớ thị giác của con người, đặc biệt là sự định hướng trừu tượng trong không gian. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu diễn tả tư tưởng và dự định của mình dưới dạng kí họa. Điển hình cho loại trí tuệ này là các nhà hàng hải, các kì thủ, họa sĩ và nhà điêu khắc.

- Loại 5: Trí tuệ vận động cơ thể (body-Kinesthetic Intelligence): là các năng lực kiểm soát vận động của cơ thể mình và cảm nắm chắc các đối tượng một cách khéo léo. Loại trí tuệ này nằm ở trung khu vận động của bán cầu não trái (đối với phần cơ thể bên phải) và bán cầu não phải (đối với phần cơ thể bên trái).

Các tổn thương não bộ thường chỉ ảnh hưởng đến sự chỉ huy một phần cơ thể. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có thể tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề, thường nhanh hơn cả trí óc, nhất là trong các tình huống nguy hiểm và trong khi chơi thể thao. Điển hình cho loại trí tuệ này là các nghệ sĩ múa, các nhà thể dục dụng cụ, các nghệ sĩ kịch câm.

- **Loại 6: Trí tuệ về bản thân (Intrapersonal Intelligence):** là những năng lực đánh giá các cảm xúc của bản thân mình, năng lực phân biệt giữa các cảm xúc ấy và đưa chúng vào hướng dẫn hành vi. Sự hiểu biết về những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân, về những thèm muốn và trí thông minh của mình. Thùy trán là trung tâm của loại trí tuệ này, tổn thương ở phần dưới thùy trán dẫn đến sự kích thích hay hưng phấn, tổn thương ở phần trên thùy trán thì tạo ra thờ ơ và vô cảm. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu hiểu biết về bản thân mình một cách cẩn kỹ và chính xác. Tuy nhiên, loại trí tuệ này có ở mọi người với các cường độ và mức độ khác nhau.

- **Loại 7: Trí tuệ về người khác (Interpersonal Intelligence):** là những năng lực nhận thức rõ ràng và đáp ứng lại các tâm trạng, khí chất, động cơ và các thèm muốn của người khác một cách thích hợp. Thùy trán cũng có vai trò quan trọng đối với loại trí tuệ này. Các tổn thương ở thùy trán có thể làm mất khả năng thấu hiểu người khác và làm thay đổi hoàn toàn nhân cách. Sự lão hóa có khả năng làm mất đi tất cả mọi khả năng xã hội của con người. Những HS có trí tuệ này phát triển thường có năng khiếu xâm nhập vào tư tưởng của người khác, có khả năng khích lệ và nâng đỡ người khác. Tiêu biểu cho loại trí tuệ này là những nhà trị liệu, người bán hàng, các linh mục, nhà sư phạm.

- **Loại 8: Trí tuệ tự nhiên (Naturalist Intelligence):** Đây là loại trí tuệ thứ 8 mà sau này Gardner mới nêu ra và bổ sung thêm vào 7 loại trí tuệ trước đây. Đó là năng lực phân biệt một cách tinh tế giữa hệ thực vật và hệ động vật của thế giới tự nhiên hoặc giữa các mẫu vật và những thiết kế do con người tạo ra. Khả năng này thể hiện ở sự nhạy cảm đối với các vật thể trong thế giới tự nhiên. Những người thuộc tuýp này rất tò mò quan sát và tìm hiểu về cây cối và động vật. Họ thường nắm bắt và học hỏi rất nhanh thông qua sự tương tác với thiên nhiên, với các hoạt động ngoài trời. Thiên hướng này giúp họ dễ đạt thành công nếu đi theo các ngành sinh học, môi trường, y học, các nhà thực vật, người đầu bếp... Những HS có trí

tuệ này phát triển thường có năng khiếu thích ứng tốt với thiên nhiên.

Bất chấp những tranh cãi trong giới học thuật, lí thuyết này đã được các nhà GD và các nhà làm chính sách đón nhận nhiệt tình. Trong hơn 20 năm qua, nó thực sự đã ảnh hưởng rất lớn vào nhận thức và hành động trong GD, đặc biệt là ở Mĩ. Nhiều trường đại học và trung học đã thiết kế chương trình giảng dạy, phân chia các lớp học và thậm chí cấu trúc lại toàn bộ hệ thống trường dựa trên việc vận dụng MI. Rất nhiều cuốn sách và tài liệu GD đã tham gia phân tích lí thuyết này và đưa ra những gợi ý cho việc áp dụng chúng trong các lớp học.

Như vậy, trên cơ sở lí thuyết đa trí tuệ của Gardner, con người có nhiều loại trí tuệ khác nhau và vì thế khi đánh giá sự thông minh của HS đặc biệt là HS chuyên cần phải có cái nhìn khách quan và đa chiều, không nên chỉ quan sát đánh giá trí tuệ của cá nhân HS thông qua một hoặc vài môn học nào đó không thuộc năng khiếu của họ. Để HS bộc lộ năng khiếu cần phải tạo ra môi trường đa dạng và phong phú thông tin, việc phát hiện năng khiếu phải dựa trên các công cụ phù hợp và khách quan.

4. Giáo dục khai phóng (GDKP) - môi trường tốt để bộc lộ cá tính trong GD

Trong thời cổ xưa, GDKP "liberal arts education", gắn liền với những con người tự do (tiếng Latinh: Liber nghĩa là "tự do") không giống như sự thiếu GD, hoặc phụ thuộc vào công việc chân tay của tầng lớp thấp và nô lệ. GDKP thời Trung Cổ bao gồm bảy nghệ thuật, đó là: văn học, ngôn ngữ học, triết học, lịch sử, toán học và khoa học, các lĩnh vực trên cho thấy chúng có mối quan hệ chặt chẽ với các loại trí tuệ khác nhau của Gardner sau này.

Khai phóng coi việc truyền đạt kiến thức cho HS phải được thực hiện một cách tổng quát với mục tiêu nhằm phát triển năng lực trí tuệ của con người theo các hướng khác nhau. GDKP không giống như việc dạy chuyên nghề, chuyên kĩ thuật, hoặc các chương trình giảng dạy chuyên môn (thường có ở bậc đại học) mà thay vào đó là sự tập trung GD tổng quát. GDKP đương đại ở nước ta bao gồm các môn học khác nhau đang thực hiện tại các trường phổ thông. Đây chính là nơi các nhà sư phạm có điều kiện thuận lợi để phát hiện năng khiếu của HS thông qua cá tính và kết quả học tập từng môn học hoặc các hoạt động ngoại khoá do nhà trường tổ chức. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi sự nhạy cảm cao của giáo viên bởi

việc cá tính HS chỉ bộc lộ khi có điều kiện thuận lợi, nhiều HS thể hiện năng khiếu rõ rệt không chỉ ở phạm vi môn học mà còn ở các mức độ sâu hơn trong từng phân môn. Ví dụ: có những HS có năng khiếu về Hình học nhưng lại học kém về Số học hay Lượng giác, hay có em học giỏi về Văn học nhưng ngôn ngữ lại không tốt lắm,...

HS Việt Nam trong một chừng mực nào đó đang "học lệch" do phải chịu nhiều sức ép khác nhau từ cha mẹ hay các yếu tố liên quan đến mưu sinh trong tương lai, điều này đi ngược lại truyền thống của GDKP. Nếu may mắn, các em "lệch" theo hướng sở trường thì điều đó có thể dẫn đến thành công; tuy nhiên, trong thực tế, nhiều HS đang bị sức ép của nhiều giá trị khác nhau nên buộc phải đi một đường, trong khi đó, năng lực lại theo một hướng khác. Người lớn cần tôn trọng sở trường và cá tính của trẻ, hãy khai mở và giải phóng tư duy nhằm phát huy sở trường thì mới có được những chuyên gia giỏi trong tương lai.

Khai phóng là cởi mở về tư tưởng, học thuật, tạo điều kiện cho việc tiếp nhận và sáng tạo cái mới. Có khai phóng mới tạo ra được những lớp người dám nghĩ, dám làm mà điều này lại chịu ảnh hưởng khá rõ nét bởi cá tính của mỗi cá nhân. HS Việt Nam thường tiếp thu nhanh và có nhiều sáng kiến nhưng năng lực tưởng tượng chưa cao, do đó ít có khả năng tạo ra những bước đột phá. Điều này có thể xuất phát từ mô hình xã hội đến mô hình phát triển kinh tế, công nghệ, chúng ta thường nhập khẩu hoặc mô phỏng sáng kiến nước ngoài. Thêm nữa, mặc dù về năng lực tư duy HS của chúng ta khá tốt nhưng sự kim hãm tự do tư tưởng và sự thiếu thốn về cơ sở vật chất kéo dài hàng nghìn năm từ chế độ phong kiến phương Đông cho đến trước thời kì đổi mới đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự khai mở sáng tạo của giáo viên đối với sự phát triển tư duy HS.

GD ở nước ta cần đổi mới theo tinh thần khai phóng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng tư duy con người khỏi tầm nhìn hạn hẹp, tạo ra những bước ngoặt về chất lượng học tập, giúp HS tự nhận diện và phát triển được năng khiếu của chính họ. GD với tinh thần khai phóng còn giúp các nhà GD có điều kiện phát hiện năng khiếu của HS từ đó phân chia theo 8 loại trí tuệ của Gardner nhằm bồi dưỡng và phát huy năng khả năng sở trường của từng HS trong việc thích ứng với cuộc sống.

Như vậy, với cách tiếp cận sự phát hiện và phát triển các loại trí tuệ trong mối quan hệ chặt chẽ với cá

tính, một trong những luận điểm quan trọng mà nhà GD Trần Đức Thảo khởi xướng đã được chứng minh bằng những cơ sở khoa học đầy thuyết phục. Nền GDKP chính là môi trường giúp cho cá tính và năng lực sở trường của mỗi cá nhân được bộc lộ. Việc GD tôn trọng cá tính của mỗi con người sẽ tạo ra những bước ngoặt về chất lượng học tập, giúp người học tự nhận diện và phát triển được năng khiếu của chính họ, cá tính cũng chính là nguồn nguyên liệu cho sự xuất hiện tài năng trong tương lai. □

(1) Trần Đức Thảo. *Sự hình thành con người*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Văn Bảo. "Một số ý kiến về ảnh hưởng của di truyền và môi trường đến việc hình thành tài năng". **Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng văn hóa nghệ thuật**. NXB Văn hóa, H. 1993.
2. Nguyễn Chương. "Sự tăng trưởng và phát triển của não và vấn đề phát triển trí tuệ", trích "*Bàn về đặc điểm tăng trưởng người Việt Nam*". Đề tài KX-07-07, tr.401-442.
3. Terman L. **Measuring intelligence**. Boston, 1937.
4. Wechsler D. **Wechsler adult intelligence scale (WAIS)**, New York, 1955.
5. Glass V. G. - Stanley J. C. **Statistical Methods in Education and Psychology**. Prentice - Hall, Inc., Englewood Cliffs, New Jersey, 1970.
6. Mai Van Hung - Duong Thi Nguyet. "Research on intelligence quotient of Vietnamese students" *Symposium on Educational and Psychological Issues for Secondary and High School Students*, pp. 208 - 212, 2012.
7. Mai Van Hung. "The impact of environment and education conditions on intelligence quotient of high school students in Vietnam" *International Conference on the Strategy of Technology Education in the Paradigm Shift for Creation and Innovation*, Korea, pp. 430-436, 2008.

SUMMARY

Theory of Personality is one of the achievements of Prof. Tran Duc Thao when he studies on human and human education. According to the theory of neuroscience, Prof. Tran's theory has been proven convincingly; it becomes more vivid when putting into educational practice in schools. Liberal art education is the environment that helps the personality and the forte of capacity of each individual is expressed. Education which respects for personality will create turning points in the quality of learning, help students identify themselves and develop their own talent.